Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9508.10.00

Mã HS	9508.10.00
Mô tả hàng hóa	Rạp xiếc lưu động và bầy thú xiếc lưu động; trò chơi di chuyển trong công viên giải trí (amusement park rides) và trò chơi công viên nước (water park amusements); trò chơi hội chợ (fairground amusements), kể cả khu bắn súng giải trí; rạp lưu động / - Rạp xiếc lưu động và bầy thú xiếc lưu động
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 14:38:19
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/95081000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18810
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18810
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18810
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	5.7	5,7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18086
ATIGA	2022	2022	0	AT!E18015
ATIGA	2023	2023	0	AT!F18015
ATIGA	2024	2024	0	AT!G18015
ATIGA	2025	2025	0	AT!H18015
ATIGA	2026	2026	0	AT!I18015
ATIGA	2027	2027	0	AT!J18015
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E18071
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F18071
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G18071
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H18071

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I18071
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J18071
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E18072
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F18072
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G18072
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H18072
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I18072
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J18072
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F18077
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H18034
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F18029
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G18029
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H18029
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I18029
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J18029
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K18029
VKFTA	2022	2022	0	VK!E18077
VKFTA	2023	2023	0	VK!F18077
VKFTA	2024	2024	0	VK!G18077
VKFTA	2025	2025	0	VK!H18077
VKFTA	2026	2026	0	VK!I18077
VKFTA	2027	2027	0	VK!J18077
VCFTA	2022	2022	2	VC!D18141
VCFTA	2023	2023	1	VC!E18141
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18141
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18141

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18141
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18141
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D18115
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E18115
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F18115
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G18115
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H18115
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I18115
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D18108
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E18108
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F18108
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G18108
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H18108
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I18108
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D18138
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18138
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18138
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18138
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18138
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18138
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D18137
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18137
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18137
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18137
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18137
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18137

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18231
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18231
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18231
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18231
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18231
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18231
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18231
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D18102
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E18102
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F18102
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G18102
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H18102
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I18102
RCEP B	2022	2022	0	B!D18102
RCEP B	2023	2023	0	B!E18102
RCEP B	2024	2024	0	B!F18102
RCEP B	2025	2025	0	B!G18102
RCEP B	2026	2026	0	B!H18102
RCEP B	2027	2027	0	B!I18102
RCEP C	2022	2022	0	C!D18100
RCEP C	2023	2023	0	C!E18100
RCEP C	2024	2024	0	C!F18100
RCEP C	2025	2025	0	C!G18100
RCEP C	2026	2026	0	C!H18100
RCEP C	2027	2027	0	C!I18100
RCEP D	2022	2022	0	D!D18099

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E18099
RCEP D	2024	2024	0	D!F18099
RCEP D	2025	2025	0	D!G18099
RCEP D	2026	2026	0	D!H18099
RCEP D	2027	2027	0	D!I18099
RCEP E	2022	2022	0	E!D18104
RCEP E	2023	2023	0	E!E18104
RCEP E	2024	2024	0	E!F18104
RCEP E	2025	2025	0	E!G18104
RCEP E	2026	2026	0	E!H18104
RCEP E	2027	2027	0	E!I18104
RCEP F	2022	2022	0	F!D18102
RCEP F	2023	2023	0	F!E18102
RCEP F	2024	2024	0	F!F18102
RCEP F	2025	2025	0	F!G18102
RCEP F	2026	2026	0	F!H18102
RCEP F	2027	2027	0	F!I18102
VIFTA	2024	2024	8.6	VI!F16972
VIFTA	2025	2025	7.1	VI!G16972
VIFTA	2026	2026	5.7	VI!H16972
VIFTA	2027	2027	4.3	VI!I16972

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9508.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 9508.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18810), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.